

BÀI ĐẠT GIẢNG GIẢI THƯỞNG BURGESS*

Vượt ra ngoài gia đình hạt nhân: Tầm quan trọng ngày càng tăng của các mối liên kết đa thế hệ

[Beyond the Nuclear Family: The Increasing Importance of Multigenerational Bonds]

Trung Tâm Gerontology Andrus, Đại Học Southern California, 3715 Đại Lộ McClintock, Phòng 208, Los Angeles, CA 90089-0191 (bengtson@rcf.usc.edu).

* Giải Thưởng Ernest W. Burgess được trao hai năm một lần bởi Hội Đồng Quốc Gia về Quan Hệ Gia Đình để ghi nhận những đóng góp suốt đời vào việc phát triển kiến thức trong nghiên cứu gia đình.

Từ Khóa: lão hóa, ông bà, mối quan hệ đa thế hệ, sự thay đổi xã hội và gia đình.

—

Mối quan hệ gia đình qua nhiều thế hệ đang trở nên ngày càng quan trọng trong xã hội Mỹ. Chúng cũng ngày càng đa dạng về cấu trúc và chức năng. Để đáp lại giả thuyết "sự suy giảm của gia đình / family decline" được tranh luận rộng rãi - giả thuyết giả định mô hình gia đình hạt nhân gồm 2 cha mẹ sinh học và con cái, tôi đề xuất rằng mối quan hệ đa thế hệ trong gia đình sẽ quan trọng hơn trong thế kỷ 21 vì ba lý do: (a) sự thay đổi về nhân khẩu học với tình trạng già hóa dân số (population aging), dẫn đến "nhiều năm chia sẻ cuộc sống chung" giữa các thế hệ; (b) tầm quan trọng ngày càng tăng của ông bà và những người thân khác trong việc thực hiện chức năng gia đình (fulfilling family functions); (c) sức mạnh và sự kiên cường của sự đoàn kết thế hệ (intergenerational solidarity) qua thời gian. Tôi cũng chỉ ra rằng mối quan hệ đa thế hệ trong gia đình ngày càng đa dạng do (a) những thay đổi trong cấu trúc gia đình, bao gồm ly hôn và mối quan hệ gia đình kế (stepfamily / gia đình mới hậu ly hôn); (b) tuổi thọ tăng lên của những người thân; (c) sự đa dạng của các loại mối quan hệ giữa các thế hệ. Dựa vào di sản nghiên cứu gia đình của Ernest W. Burgess, tôi đặt các

luận điểm của mình trong bối cảnh các chuyển biến lịch sử của gia đình và các giả thuyết. Nghiên cứu từ Nghiên cứu Dài hạn về các Thế hệ (Longitudinal Study of Generations) được trình bày để chứng minh sức mạnh của các mối ràng buộc đa thế hệ (multigenerational) qua thời gian và lý do tại sao cần nhìn xa hơn gia đình hạt nhân (nuclear family) khi đặt câu hỏi liệu gia đình có còn chức năng gì hay không.

Trong thập kỷ qua, các nhà xã hội học đã tham gia vào một cuộc tranh luận thường xuyên sôi nổi về sự thay đổi gia đình và ảnh hưởng của gia đình trong xã hội hiện đại. Cuộc tranh luận này phản ánh nhiều mặt di sản của Ernest W. Burgess (1886–1965), người tiên phong trong lĩnh vực xã hội học gia đình Mỹ. Nó có thể được định hình dưới dạng bốn giả thuyết chung, mỗi giả thuyết đều chỉ ra những chuyển đổi đáng kể trong cấu trúc và chức năng của gia đình (structure and functions of families) trong suốt thế kỷ 20.

Giả thuyết đầu tiên và sớm nhất liên quan đến *sự xuất hiện của hình thức gia đình hạt nhân "hiện đại"* sau Cách mạng Công nghiệp (Industrial Revolution). Sự chuyển đổi này (được Burgess đề xuất vào năm 1916 và được phát triển thêm bởi Ogburn vào năm 1932 và Parsons vào năm 1944) cho rằng cấu trúc mô hình của gia đình đã thay đổi từ gia đình mở rộng (extended) sang gia đình hạt nhân (nuclear), và chức năng chính của nó đã thay đổi từ xã-hội-thể-chế (social-institutional) sang hỗ-trợ-tình-cảm (emotional-supportive). Giả thuyết thứ hai liên quan đến *sự suy giảm của gia đình hạt nhân hiện đại* như một thể chế xã hội, một sự suy giảm được cho là do cấu trúc của nó bị thu hẹp (do tỷ lệ ly hôn cao) và chức năng của nó bị giảm thêm (Popenoe, 1993). Một giả thuyết thứ ba có thể được gọi là *sự đa dạng ngày càng tăng của các hình thức gia đình*, các mối quan hệ vượt ra ngoài ranh giới quan hệ sinh học hoặc hôn nhân. Phát triển từ công trình của các học giả nữ quyền (Coontz, 1991; Skolnick, 1991; Stacey, 1990), và nghiên cứu về các gia đình thiểu số sắc tộc và chủng tộc (Burton, 1995; Collins, 1990; Stack, 1974), góc nhìn này cho rằng các cấu trúc và mối quan hệ gia đình nên được định nghĩa lại để bao gồm cả hệ thống họ hàng "được chỉ định / assigned" và "được tạo ra / created" (Cherlin, 1999). Tôi đề xuất một giả thuyết thứ tư để xem xét: *Tầm quan trọng ngày càng tăng của các mối liên kết đa thế hệ*. Tôi đề xuất rằng các mối

quan hệ qua hơn hai thế hệ ngày càng trở nên quan trọng đối với cá nhân và gia đình trong xã hội Mỹ; rằng chúng ngày càng đa dạng về cấu trúc và chức năng; và rằng vào đầu thế kỷ 21, những mối liên kết đa thế hệ này không chỉ tăng cường mà trong một số trường hợp sẽ thay thế chức năng của gia đình hạt nhân, đã là trọng tâm của các nhà xã hội học trong suốt thế kỷ 20.

Trong bài viết này, tôi trước tiên tóm tắt "di sản Burgess" trong xã hội học gia đình Mỹ và liên hệ nó với bốn giả thuyết đã được tóm tắt ở trên. Sau đó, tôi đề xuất một số nền tảng cho các giả thuyết của mình về tầm quan trọng và sự đa dạng ngày càng tăng của các mối quan hệ đa thế hệ, bắt đầu từ một cuộc thảo luận về các xu hướng xã hội vĩ mô (sự già hóa dân số và nhân khẩu học gia đình giữa các thế hệ) và chuyển sang các chiều kích xã hội vi mô (đoàn kết và các loại mối quan hệ xuyên thế hệ). Tôi kết thúc với một số gợi ý về nghiên cứu trong tương lai sẽ cần thiết để xem xét thêm vai trò của các mối liên kết đa thế hệ trong xã hội thế kỷ 21.

DI SẢN BURGESS: KHI GIA ĐÌNH THAY ĐỔI, LIỆU CHÚNG CÓ GIẢM BỚT TẦM QUAN TRỌNG?

Trước khi bắt đầu trình bày luận điểm này - một sự khác biệt đáng kể so với quan điểm thông thường về "vấn đề" của các gia đình Mỹ và giải pháp của chúng ngày nay - trước tiên tôi muốn cảm ơn món nợ cá nhân và trí tuệ mà tôi mang ơn Ernest W. Burgess, người được đặt tên cho giải thưởng này từ Hội Đồng Quốc Gia về Quan Hệ Gia Đình (National Council on Family Relations). Ông thực sự là một người khổng lồ trong sự phát triển của ngành xã hội học gia đình ở Mỹ và là một trong những người nổi bật của "trường phái Chicago / Chicago school" về xã hội học từ năm 1915 đến những năm 1960 (Bogue, 1974).

Vài năm sau khi ông nghỉ hưu chính thức, Burgess từng là giáo viên của tôi tại Đại học Chicago. Tôi nhớ ông là một quý ông nhỏ bé và lịch thiệp, nhìn qua bục giảng khi ông nói, dường như không cần ghi chú, về "vai

trò không có vai trò / roleless role" của người già trong các xã hội hiện đại. Ngay sau khi tôi gặp ông lần đầu, ông trở nên yếu ớt hơn và không thể sống một mình. Điều này dẫn đến một tình huống trớ trêu sâu sắc (profound irony). Người không lồ này trong nghiên cứu gia đình Mỹ, người chưa bao giờ kết hôn và đã sống lâu hơn những người thân sinh học của mình, không có gia đình để chăm sóc nhu cầu của mình trong những năm cuối đời. Ông đã sống với chị gái mình, cũng chưa kết hôn, trong gần 40 năm cho đến khi bà qua đời. Đầu năm 1965, ông lặng lẽ đăng ký vào một trung tâm chăm sóc người già trong khu phố, nơi hóa ra có điều kiện tồi tệ. Phát hiện điều này, Bernice Neugarten, Robert Havighurst và các giảng viên khác của Đại học Chicago đã sắp xếp chuyển ông đến Viện Dưỡng Lão Drexel (Drexel Home for the Aged). Ông qua đời tại đó vào tháng 12 năm 1966 ở tuổi 80, không có gia đình ngoại trừ "họ hàng hư cấu / fictive kin" được đại diện bởi sự chăm sóc ân cần của nhân viên Viện Drexel và các đồng nghiệp của ông tại Đại học Chicago. Đó là một sự ra đi trớ trêu của một trong những người tiên phong của xã hội học gia đình ở Mỹ, một người không có quyền truy cập vào mạng lưới gia đình đa thế hệ là chủ đề của bài báo này.

Burgess thực sự là một nhà đổi mới trong xã hội học. Ông đã thừa hưởng một truyền thống phân tích xã hội học thế kỷ 19 dựa trên triết lý chính trị và đạo đức; ông đã điều chỉnh điều này để tập trung vào các vấn đề xã hội mà người Mỹ đầu thế kỷ 20 gặp phải - sự tan rã xã hội, tội phạm, vi phạm pháp luật, đô thị hóa, nghèo đói - và khẳng định tầm quan trọng của dữ liệu thực nghiệm (empirical data) trong phân tích các vấn đề này. Vì rất ít nghiên cứu xã hội có hệ thống trước đó, ông đã trở thành người tiên phong trong hầu như mọi lĩnh vực mà ông tham gia, từ phương pháp luận của các cuộc khảo sát xã hội [methodology of social surveys] (Burgess, 1916) đến vai trò của người già trong các xã hội phương Tây [the role of the aged in Western societies] (Burgess, 1960). Nhưng di sản bền vững nhất của ông được phản ánh trong xã hội học gia đình.

Burgess khẳng định rằng chúng ta phải xem xét cả bối cảnh xã hội vĩ mô của các gia đình theo thời gian và động lực xã hội vĩ mô của chúng nếu chúng ta muốn hiểu được sự phức tạp ngày càng tăng của cuộc sống gia đình. Bắt đầu từ cái nhìn sâu sắc của Burgess, tôi nghĩ rằng chúng

ta có thể xác định bốn sự thay đổi lớn trong các gia đình Mỹ trong suốt thế kỷ 20 mà tôi sẽ liệt kê là các giả thuyết, nguồn gốc cho nghiên cứu trong tương lai về tính hữu ích của chúng.

Sự Xuất Hiện của Hình Thức Gia Đình Hạt Nhân "Hiện Đại"

Các phân tích mang tính đột phá của Burgess về gia đình Mỹ bắt đầu từ việc xem xét các xu hướng xã hội vĩ mô do Cách mạng Công nghiệp (Industrial Revolution) mang lại và tiếp tục với việc khám phá các động lực xã hội vi mô (microsocial dynamics) trong gia đình. Một trong những mối quan tâm sớm nhất của ông là gia đình như một khía cạnh của tổ chức xã hội (social organization) trong bối cảnh của sự tiến hóa xã hội (social evolution). Cuốn sách đầu tiên của ông (Burgess, 1916) ngày nay sẽ được coi là một bài tranh luận ủng hộ gia đình mở rộng truyền thống (traditional extended family) và các chức năng của nó vì ông đã lập luận rằng hình thức gia đình này là cần thiết cho sự xã hội hóa của trẻ em (socialization of children) nếu sự tiến hóa xã hội muốn tiếp tục. Tuy nhiên, trong thập kỷ tiếp theo, ông đã thay đổi quan điểm của mình. Từ các "chức năng" cấu trúc của gia đình áp dụng cho các xã hội hiện đại hóa đầu thế kỷ 20, ông đã chuyển sang nhấn mạnh vào "tương tác" giữa các thành viên trong gia đình (family members' interactions).

Giả thuyết của Burgess là gia đình đã thay đổi. Ông đã phá vỡ quan điểm cuối thế kỷ 19 về cấu trúc gia đình mở rộng như một nền tảng của tổ chức xã hội và tiến bộ để nói rằng, "Gia đình qua các thời kỳ lịch sử đã và hiện tại đang trong quá trình chuyển đổi từ một thể chế sang một mối quan hệ bạn đồng hành" (Burgess, 1926, tr. 104). Ông tập trung vào gia đình hạt nhân và các chức năng thay đổi của nó như là hậu quả của sự công nghiệp hóa và hiện đại hóa, các lập luận sau này được Ogburn (1932), Davis (1941), và Parsons (1944) lặp lại. Luận đề của ông là sự đô thị hóa (urbanization), sự tăng cường cá nhân chủ nghĩa (individualism) và chủ nghĩa thế tục (secularism), cùng sự giải phóng của phụ nữ đã biến đổi gia đình từ một thể chế xã hội dựa trên pháp luật (law) và phong tục (custom) thành một thể chế dựa trên tình bạn (companionship) và tình yêu (love).

Burgess đã thể hiện quan điểm của mình một cách rất nhẹ nhàng trong một số ấn phẩm tạp chí học thuật. Những ấn phẩm này dường như đã không thu hút sự chú ý của báo chí phổ thông vào thời điểm đó, khác hẳn với những cuộc tranh luận về gia đình ngày nay. Ông đã lập luận rằng gia đình đã trở nên chuyên môn hóa hơn trong các chức năng của mình (more specialized in its functions) và rằng các khía cạnh cấu trúc và khách quan của cuộc sống gia đình đã bị thay thế bằng các chức năng cảm xúc và chủ quan hơn (more emotional and subjective functions). Ông gọi đây là cơ sở "tình bạn / companionship" của hôn nhân, mà ông cho rằng đã trở thành cơ sở cơ bản của hình thức gia đình "hiện đại".

Nhưng Burgess đã đi xa hơn. Ông đề xuất rằng cách thích hợp nhất để hình dung và nghiên cứu về gia đình là xem nó như "một sự thống nhất của các cá tính tương tác / a unity of interacting personalities" (Burgess, 1926). Qua đó, ông muốn nói ba điều: Thứ nhất, "gia đình" về cơ bản là một *quá trình (process)*, một hệ thống tương tác bị ảnh hưởng bởi từng thành viên của nó; nó không chỉ là một *cấu trúc (structure)*, hay một hộ gia đình (household). Thứ hai, hành vi của một thành viên trong gia đình—một đứa trẻ gặp rắc rối, một người cha xa cách—không thể được hiểu nếu bị đưa ra ngoài *mối quan hệ (relationship)* với các thành viên khác trong gia đình, các mô hình tương tác liên tục của họ (their ongoing patterns of interactions), và các cá tính đang phát triển (personalities developing) và thay đổi thông qua những tương tác như vậy (changing through such interactions). Khái niệm này đã cung cấp cơ sở trí tuệ cho các chương trình tư vấn hôn nhân và gia đình đầu tiên ở Hoa Kỳ. Thứ ba, *các chức năng (functions)* trung tâm của gia đình đã thay đổi từ việc chủ yếu là các đơn vị cấu trúc của tổ chức xã hội (primarily structural units of social organization) thành các mối quan hệ hỗ trợ nhu cầu cá nhân (relationships supporting individuals' needs). Hôn nhân đã được chuyển đổi từ một liên minh chủ yếu về kinh tế (primarily economic union) thành một liên minh dựa trên cảm xúc và tình bạn (based on sentiment and companionship).

Do đó, Burgess đã đại diện cho một cây cầu giữa quan niệm của thế kỷ 19 về gia đình như một đơn vị trong sự tiến hóa xã hội đến các ý tưởng của thế kỷ 20 về gia đình như là hỗ trợ nhu cầu cá nhân. Công trình của

ông cũng cung cấp một cây cầu trong lý thuyết xã hội học, từ chủ nghĩa chức năng cấu trúc (structural-functionalism) đến chủ nghĩa tương tác biểu tượng (symbolic interactionism) và hiện tượng học (phenomenology). Nhưng trong tất cả những điều này, trọng tâm của Burgess là gia đình hạt nhân, một gia đình da trắng, tầng lớp trung lưu, hai thế hệ [ý là bố mẹ và con cái]; và như tôi lập luận dưới đây, các hình thức gia đình xuất hiện trong thế kỷ 21 sẽ trông khác nhiều so với gia đình mà Burgess đã quan sát.

Sự Suy Giảm của Hình Thức Gia Đình Hạt Nhân Hiện Đại

"Sự suy giảm của gia đình" trong xã hội Mỹ là một chủ đề đã trở thành tâm điểm của các cuộc tranh luận ngày càng sôi nổi bởi các chính trị gia, nhà bình luận và các nhà xã hội học gia đình trong thập kỷ qua. David Popenoe (1993), người ủng hộ quan điểm này một cách rõ ràng nhất, đã lập luận rằng đã có một sự suy giảm đáng kể về cấu trúc và chức năng của gia đình trong xã hội Mỹ, đặc biệt là kể từ năm 1960. Hơn nữa, giả thuyết của ông là sự suy giảm gia đình gần đây là "nghiêm trọng hơn" so với bất kỳ sự suy giảm nào trong quá khứ, bởi vì "điều đang bị phá vỡ là gia đình hạt nhân, đơn vị cơ bản bị tước bỏ các mối quan hệ và chỉ còn lại hai chức năng thiết yếu không thể được thực hiện tốt hơn ở nơi khác: Nuôi dưỡng trẻ em và cung cấp cho các thành viên sự yêu thương và tình bạn" (Popenoe, tr. 527). Những người ủng hộ giả thuyết suy giảm gia đình đã tập trung vào các hậu quả tiêu cực của việc thay đổi cấu trúc gia đình, kết quả từ việc ly hôn và nuôi con một mình đối với sự ổn định tâm lý, xã hội và kinh tế của trẻ em. Hơn nữa, họ đề xuất rằng các chuẩn mực xã hội hợp lệ hóa việc theo đuổi mục tiêu cá nhân hơn là mục tiêu tập thể và sự có sẵn của các nhóm xã hội thay thế cho việc thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của con người đã làm suy yếu đáng kể thể chế xã hội của gia đình như một tác nhân xã hội hóa và là một nguồn nuôi dưỡng cho các thành viên gia đình (Popenoe).

Có nhiều bằng chứng ủng hộ giả thuyết của Popenoe. Đã có một sự thay đổi đáng kể trong cấu trúc gia đình hạt nhân trong 50 năm qua, bắt đầu với tỷ lệ ly hôn gia tăng trong những năm 1960, đã leo thang lên hơn một nửa các cuộc hôn nhân đầu tiên vào những năm 1980 (Amato

& Booth, 1997; Bumpass, Sweet, & Martin, 1990). Cũng đã có sự gia tăng trong số các gia đình nuôi con một mình, đi kèm với sự gia tăng nghèo đói đối với trẻ em sống trong gia đình do mẹ đứng đầu (McLanahan, 1994). Sự vắng mặt của cha trong nhiều gia đình ngày nay đã tạo ra các vấn đề cho sự ổn định kinh tế và tình cảm của trẻ em (Popenoe, 1996).

Đồng thời, giả thuyết "suy giảm gia đình" có hạn chế và theo một số nhà phê bình là sai lầm, bởi sự quan tâm quá mức đến gia đình như một hộ gia đình cùng cư trú và gia đình hạt nhân là đại diện chính của nó. Popenoe đã định nghĩa gia đình là "một nhóm gia đình nhỏ tương đối của họ hàng (hoặc những người trong mối quan hệ giống như họ hàng) bao gồm ít nhất một người lớn và một người phụ thuộc" (Popenoe, 1993, tr. 529). Mặc dù điều này có thể đủ để làm định nghĩa nhân khẩu học cho một "hộ gia đình," nhưng nó không bao gồm các khía cạnh quan trọng của chức năng gia đình mở rộng ra ngoài ranh giới cư trú chung. Không có gì trong giả thuyết của Popenoe phản ánh chức năng của ảnh hưởng đa thế hệ đối với trẻ em—vai trò của ông bà trong việc xã hội hóa hoặc hỗ trợ cháu, đặc biệt sau khi ly hôn của thế hệ cha mẹ trung niên (Johnson & Barer, 1987; Minkler & Rowe, 1993). Cũng không có đề cập đến những gì Riley và Riley (1993) đã gọi là "ma trận tiềm ẩn của các kết nối họ hàng / latent matrix of kin connections," một mạng lưới "các liên kết liên tục thay đổi cung cấp tiềm năng để kích hoạt và tăng cường các mối quan hệ họ hàng thân thiết" vào những lúc cần thiết bởi các thành viên trong gia đình (Riley & Riley, tr. 169). Và không có sự xem xét về những năm tháng sống chung dài lâu giữa các thế hệ, hiện đã kéo dài nhiều thập kỷ, và hệ quả của chúng đối với sự hỗ trợ tình cảm và kinh tế cho các thành viên gia đình qua nhiều thế hệ (Bengtson & Allen, 1993; Silverstein & Litwak, 1993).

Sự Đa Dạng Hóa Ngày Càng Tăng Của Các Hình Thức Gia Đình

Giả thuyết thứ ba được phát triển bởi các học giả nữ quyền (Coontz, 1991; Osmond & Thorne, 1993; Skolnick, 1991; Stacey, 1993, 1996; Thorne & Yalom, 1992) và các nhà nghiên cứu về gia đình thiểu số (Burton, 1995; Collins, 1990; Stack, 1974). Giả thuyết này có thể được

tóm tắt như sau: Gia đình đang thay đổi cả về hình thức và ý nghĩa, mở rộng ra ngoài cấu trúc gia đình hạt nhân để bao gồm một loạt các mối quan hệ họ hàng và không phải họ hàng (kin and nonkin relationships). Các hình thức gia đình đa dạng đang xuất hiện, hoặc ít nhất là được công nhận lần đầu tiên, bao gồm cấu trúc mẫu hệ của nhiều gia đình người Mỹ gốc Phi. Stacey (1996) lập luận rằng gia đình hạt nhân truyền thống ngày càng không phù hợp với một xã hội hậu công nghiệp, hậu hiện đại. Sự giải phóng kinh tế và xã hội của phụ nữ trong thế kỷ qua đã trở nên không phù hợp với hình thức gia đình hạt nhân "người đàn ông kiếm tiền chính / male breadwinner" và sự phân bổ quyền lực, nguồn lực và lao động truyền thống của nó. Chúng ta cũng đã chứng kiến sự bình thường hóa của việc ly hôn và nuôi con riêng của bạn đời (stepparenting) trong những năm gần đây. Nhiều gia đình Mỹ ngày nay là những gì Ahrons (1994) đã mô tả là "song hạt nhân / binuclear." Sau ly hôn và tái hôn của các đối tác hôn nhân và cha mẹ ban đầu, một bối cảnh gia đình ổn định, hỗ trợ trẻ em có thể xuất hiện. Cuối cùng, vì có khoảng bốn triệu trẻ em ở Hoa Kỳ đang được nuôi dưỡng bởi các bậc cha mẹ đồng tính nam hoặc nữ (Stacey & Biblarz, đang chờ xuất bản), những hình thức gia đình thay thế này và các hình thức khác "đang ở đây... và hãy quen với nó!" (Stacey, 1996, tr. 105).

Đáp lại Popenoe, Stacey (1996) đã lập luận rằng gia đình thực sự đang suy giảm—nếu điều chúng ta muốn nói qua từ "gia đình" là hình thức hạt nhân gồm ba mẹ và con cái sinh học hoặc nhận nuôi của họ. Hình thức gia đình này đã phát triển và suy giảm cùng với xã hội công nghiệp hiện đại. Trong vài thập kỷ qua, với sự chuyển đổi sang nền kinh tế nội địa hậu công nghiệp (postindustrial domestic economy) trong một hệ thống tư bản toàn cầu hóa (globalized capitalist system) và với sự xuất hiện của các công nghệ sinh sản mới (new reproductive technologies), hệ thống gia đình hiện đại đã được thay thế bằng điều mà Stacey gọi là "tình trạng gia đình hậu hiện đại / the postmodern family condition," một lĩnh vực đa dạng, linh hoạt và có tính cạnh tranh, trong đó các mô hình, giá trị và tập quán gia đình đa dạng tranh giành tính hợp pháp và các nguồn lực. Stacey gợi ý rằng sự đa dạng và linh hoạt của gia đình hiện nay là "bình thường," và tình trạng gia đình hậu hiện đại mở ra khả năng của các hình thức gần gũi dân chủ, bình đẳng, cũng như các mức độ không an toàn có thể đe dọa.

Tầm Quan Trọng Ngày Càng Tăng của Các Mối Liên Kết Đa Thế Hệ

Tôi muốn đề xuất một giả thuyết thứ tư về sự chuyển đổi gia đình trong suốt thế kỷ 20, dựa trên những gì Burgess, Popenoe, Stack và Stacey đã nêu, nhưng phản ánh sự phát triển nhân khẩu học gần đây về tuổi thọ lớn hơn nhiều. Đó là: *Các mối quan hệ qua nhiều hơn hai thế hệ đang trở nên ngày càng quan trọng đối với cá nhân và gia đình trong xã hội Mỹ.* Xét đến sự tăng đáng kể về tuổi thọ trong nửa thế kỷ qua, điều này không phải là một sự khác biệt quá lớn so với quan điểm truyền thống. Nhưng tôi đề xuất một hệ quả tất yếu đi kèm với giả thuyết này, mà tôi hy vọng sẽ dẫn đến cuộc tranh luận sôi nổi: *Đối với nhiều người Mỹ, các mối liên kết đa thế hệ đang trở nên quan trọng hơn các mối liên kết gia đình hạt nhân về sự ổn định và hỗ trợ trong suốt cuộc đời họ.*

Tôi sẽ cố gắng cung cấp một nền tảng cho giả thuyết vừa nêu trong phần còn lại của bài viết này. Đầu tiên, tôi lập luận rằng sự thay đổi trong nhân khẩu học thế hệ (thay đổi cấu trúc tuổi của xã hội và gia đình, tạo ra nhiều năm "sống chung / shared lives") đã dẫn đến nhiều cơ hội và nhu cầu hơn để tương tác, hỗ trợ và ảnh hưởng lẫn nhau qua nhiều hơn chỉ hai thế hệ. Thứ hai, tôi sẽ đề cập đến sức mạnh của sự đoàn kết thế hệ qua thời gian và sự đa dạng của các loại mối quan hệ xuyên thế hệ (cross-generational types). Thứ ba, do sự tăng cường bất ổn trong hôn nhân và ly hôn trong những thập kỷ qua đã làm suy yếu khả năng của gia đình hạt nhân trong việc cung cấp sự xã hội hóa, nuôi dưỡng và hỗ trợ cần thiết cho các thành viên trong gia đình, tôi lập luận rằng các thành viên họ hàng qua nhiều thế hệ sẽ ngày càng được kêu gọi cung cấp những chức năng gia đình thiết yếu này trong xã hội thế kỷ 21.

NGHIÊN CỨU VĨ MÔ XÃ HỘI VỀ MỐI QUAN HỆ LIÊN THẾ HỆ

Cấu trúc nhân khẩu của gia đình Mỹ đã thay đổi đáng kể trong những năm gần đây. Chúng ta thường nghe nhiều nhất về hai xu hướng: Tỷ lệ ly hôn tăng kể từ những năm 1960, với một trong hai cuộc hôn nhân đầu

tiên kết thúc bằng ly hôn (Cherlin, 1992); và số lượng trẻ em sống trong các hộ gia đình đơn thân ngày càng tăng, thường đi kèm với nghèo đói (McLanahan & Sandefur, 1994; Walker & McGraw, 2000). Tuy nhiên, có một xu hướng thứ ba đã nhận được ít sự chú ý hơn: Tuổi thọ tăng của các thành viên trong gia đình và tiềm năng nguồn lực này đại diện cho hạnh phúc và bình yên của các thế hệ trẻ trong gia đình.

Dân số học gia đình đa thế hệ: Từ hình kim tự tháp sang hình cây đậu

Trước tiên, hãy xem xét sự thay đổi về cấu trúc tuổi của dân số Hoa Kỳ trong 100 năm qua. Treas (1995b) đã cung cấp một cái nhìn tổng quan giá trị về những thay đổi này và hậu quả của chúng đối với gia đình. Năm 1900, cấu trúc dân số của Mỹ theo tuổi có hình dạng của một kim tự tháp, với một cạnh đáy lớn (đại diện cho trẻ em dưới 5 tuổi) dần thu hẹp thành một nhóm hẹp những người 65 tuổi trở lên. Hình kim tự tháp này đặc trưng cho hình dạng cấu trúc dân số theo tuổi trong hầu hết các xã hội loài người được ghi nhận, từ thời khai sinh của nền văn minh qua Cách mạng Công nghiệp đầu tiên và vào đầu thế kỷ 20 (Laslett, 1976; Myers, 1990). Nhưng đến năm 1990, hình kim tự tháp tuổi của xã hội Mỹ đã trở nên giống như một hình tam giác không đều. Vào năm 2030, nó sẽ trông giống như một hình chữ nhật, với số lượng tương tự nhau ở mỗi nhóm tuổi từ trẻ em và thanh thiếu niên đến những người trên 60 tuổi. Câu chuyện ở đây là do sự tăng tuổi thọ và giảm tỷ lệ sinh, cấu trúc tuổi của dân số Hoa Kỳ, giống như hầu hết các xã hội công nghiệp, đã thay đổi từ hình kim tự tháp thành hình chữ nhật chỉ trong hơn một thế kỷ lịch sử loài người.

Thứ hai, hãy xem xét ý nghĩa của những thay đổi xã hội ở cấp độ vĩ mô này trong phân phối tuổi đối với cấu trúc thế hệ của các gia đình trong xã hội Mỹ. Đồng thời, đã có sự tăng tuổi thọ trong suốt thế kỷ 20, giảm tỷ lệ sinh đã xảy ra, và tỷ lệ sinh của dân số đã giảm từ 4.1 vào năm 1900 xuống còn 1.9 vào năm 1990 (Cherlin, 1999). Điều này có nghĩa là cấu trúc tuổi của hầu hết các gia đình Mỹ đã thay đổi từ hình kim tự tháp thành cái gọi là "cây đậu" (Bengtson, Rosenthal, & Burton, 1990), một cấu trúc gia đình có hình dáng dài và mỏng, với nhiều thế hệ gia đình đang sống nhưng ít thành viên hơn trong mỗi thế hệ. Việc liệu cấu trúc

"cây đậu" có mô tả chính xác đa số gia đình ngày nay hay không đã được tranh luận (Farkas & Hogan, 1995; Treas, 1995a). Tuy nhiên, những thay đổi trong phân phối dân số theo tuổi kể từ năm 1900 là đáng chú ý, và sự tiến triển "từ kim tự tháp sang cây đậu" có ý nghĩa quan trọng đối với chức năng và mối quan hệ gia đình vào thế kỷ 21.

Cấu trúc "nguồn cung cấp họ hàng" đang thay đổi qua các thế hệ.

Những gì có thể bị mất trong một bài đánh giá về xu hướng nhân khẩu xã hội ở cấp độ vĩ mô (macrosocial demographic) là hệ quả đối với các thành viên cá nhân trong gia đình và khả năng họ nhận được sự hỗ trợ gia đình. Ví dụ, giả thuyết "suy giảm gia đình" của Popenoe (1993) cho rằng trẻ em Mỹ ngày nay đang có nguy cơ cao hơn do sự sụp đổ của cấu trúc gia đình hạt nhân và sự biến mất quá thường xuyên của các bậc làm cha. Tuy nhiên, sự giảm tỷ lệ tử vong trong thế kỷ qua lại đề xuất một câu chuyện lạc quan hơn: Sự sẵn có ngày càng tăng của họ hàng đa thế hệ mở rộng (ông bà, cô chú, bác) đã trở thành một nguồn lực cho trẻ em khi chúng lớn lên và bước vào độ tuổi trưởng thành.

Peter Uhlenberg (1996) đã khảo sát những tác động sâu sắc mà sự thay đổi tử vong trong suốt thế kỷ 20 đã có đối với "nguồn cung cấp" họ hàng có sẵn để hỗ trợ các thành viên gia đình trong xã hội Mỹ. Ông lưu ý rằng đối với trẻ em sinh năm 1900, khả năng trở thành trẻ mồ côi (cả cha lẫn mẹ qua đời trước khi trẻ đến tuổi 18) là 18%. Nhưng đối với trẻ em sinh năm 2000, 68% sẽ có bốn ông bà còn sống khi chúng đến 18 tuổi. Đi xa hơn trên con đường cuộc đời, vào thời điểm những đứa trẻ này đang đối mặt với trách nhiệm nuôi dưỡng con cái [ý là khoảng 10 năm sau khi chúng lập gia đình & có con], ảnh hưởng của sự giảm tử vong đối với sự sẵn có của họ hàng già cả để hỗ trợ còn đáng kể hơn. Đối với những người sinh năm 1900, vào tuổi 30, chỉ có 21% có ít nhất một ông bà còn sống. Đối với những người sinh năm 2000, vào tuổi 30, 76% vẫn còn ít nhất một ông bà còn sống. Ngày nay, người 20 tuổi có khả năng có bà còn sống cao hơn (91%) so với người 20 tuổi vào năm 1900 có mẹ còn sống (83%; Uhlenberg).

Một góc nhìn khác về vấn đề này được Wachter (1997) cung cấp trong các mô phỏng máy tính về sự sẵn có của họ hàng cho các thành viên gia đình trong thế kỷ 21. Ông đã xem xét các hàm ý của tuổi thọ, tỷ lệ

sinh và ly hôn cho tương lai. Ông lưu ý rằng mặc dù tỷ lệ sinh thấp vào cuối thế kỷ 20 sẽ dẫn đến sự thiếu hụt họ hàng cho những người đạt đến tuổi nghỉ hưu vào khoảng năm 2030, các tác động của ly hôn, tái hôn và sự pha trộn gia đình đang mở rộng số lượng và loại hình họ hàng, "ban cho người già trong tương lai một mạng lưới họ hàng vừa phức tạp, phong phú và đa dạng" (Wachter, tr. 1181). Hàm ý là họ hàng kế [họ hàng đến từ các cuộc tái hôn] đang tăng nguồn cung cấp họ hàng qua các thế hệ, trở thành nguồn nuôi dưỡng và hỗ trợ tiềm năng cho các thành viên gia đình khi cần, và điều này có thể bù đắp, một phần, cho tỷ lệ sinh thấp (Amato & Booth, 1997).

Nhiều Năm Chia Sẻ Cuộc Sống Qua Các Thế Hệ. Các hàm ý khác của những thay đổi nhân khẩu trong suốt thế kỷ 20 cũng cần được lưu ý. Đầu tiên, chúng ta giờ đây có nhiều năm "đồng tồn tại giữa các thế hệ / cosurvivorship between generations" hơn bao giờ hết trong lịch sử loài người (Bengtson, 1996; Goldscheider, 1990). Điều này có nghĩa là ngày càng có nhiều cha mẹ và ông bà cao tuổi có thể cung cấp sự liên tục và ổn định cho gia đình qua thời gian (Silverstein, Giarrusso, & Bengtson, 1998). Điều này cũng có nghĩa là có sự gia tăng đáng kể trong số họ hàng đa thế hệ, tạo thành một "mạng lưới tiềm năng / latent network" (Riley & Riley, 1993) có thể được kích hoạt để cung cấp sự hỗ trợ và phúc lợi (well-being / hạnh phúc và bình yên / an lạc) cho các thành viên trẻ trong gia đình. Sự gia tăng tuổi thọ của cha mẹ, ông bà, cụ kỵ và các thành viên gia đình lớn tuổi khác trong những thập kỷ gần đây là một nguồn lực họ hàng có sẵn để giúp đỡ và hỗ trợ, có thể và thường xuyên được kích hoạt trong những lúc cần thiết (King, 1994; Silverstein, Parrott & Bengtson, 1995). Những họ hàng lớn tuổi này cũng sẽ có sức khỏe tốt hơn (Hayward & Heron, 1999).

Đồng thời, cũng có những hậu quả tiêu cực tiềm ẩn của "nhiều năm chia sẻ cuộc sống" qua các thế hệ. Một là những năm dài chăm sóc người cao niên phụ thuộc [caregiving for dependent elders] (Bengtson, Rosenthal, & Burton, 1995). Điều thứ hai có liên quan là xung đột kéo dài (protracted conflict)—điều mà một bà mẹ 84 tuổi trong Nghiên cứu Dài hạn về các Thế hệ gọi là "mối quan hệ cha mẹ - con cái tệ hại suốt đời." Các nhà nghiên cứu về gia đình đề cập chưa đầy đủ đến xung đột giữa các thế hệ trong suốt những năm tháng trưởng thành (Clarke,

Preston, Raskin, & Bengtson, 1999). Do có nhiều năm chia sẻ cuộc sống, mối quan hệ giữa các thế hệ—về mặt sự giúp đỡ được nhận hoặc cung cấp, đoàn kết hay xung đột hoặc cả hai—sẽ ngày càng quan trọng đối với cuộc sống gia đình trong tương lai.

Cuối cùng, câu chuyện về nhân khẩu học gia đình đa thế hệ và sự thay đổi của nó trong suốt thế kỷ 21 cần phải được thêm vào sự công nhận về "các hình thức gia đình thay thế," được phản ánh qua các cặp đôi đồng tính nam và đồng tính nữ nuôi con (Kurdek & Schmidt, 1987), những người độc thân suốt đời và cặp đôi chưa kết hôn nuôi con (Smock & Manning, 1997), và các hình thức gia đình không sinh học khác nhưng có ý nghĩa xã hội đáng kể. Chúng ta biết rất ít về mối quan hệ giữa các thế hệ của những biến thể này ngoài hộ gia đình hai thế hệ da trắng, tầng lớp trung lưu ở Mỹ ngày nay. Những gì chúng đại diện cho "mạng lưới hỗ trợ họ hàng tiềm ẩn" hoặc "đồng tồn tại giữa các thế hệ" phải là trọng tâm của nghiên cứu trong tương lai.

Khi Việc Nuôi Dạy Trẻ Vượt Qua Nhiều Thế Hệ

Một chức năng không được Burgess đề cập đến là tầm quan trọng của ông bà đối với sự ổn định của các thành viên trong gia đình, một sự bỏ sót dễ hiểu do thời kỳ lịch sử mà ông viết, khi tuổi thọ dự kiến của con người ngắn hơn gần 3 thập kỷ so với ngày nay. Popenoe (1993) cũng không thảo luận về tầm quan trọng của ông bà trong vai trò hỗ trợ tiềm năng mà họ mang lại cho các thành viên thế hệ trẻ.

Ông bà đóng nhiều chức năng không được ghi nhận (unacknowledged functions) trong các gia đình hiện đại (Szinovacz, 1998). Họ là những tấm gương quan trọng trong việc xã hội hóa cho cháu (Elder, Rudkin, & Conger, 1994; King & Elder 1997). Họ cung cấp nguồn lực kinh tế cho các thành viên thế hệ trẻ trong gia đình (Bengtson & Harootyan, 1994). Họ góp phần vào sự đoàn kết giữa các thế hệ và sự liên tục của gia đình qua thời gian (King, 1994; Silverstein và cộng sự, 1998). Họ cũng là nền tảng ổn định cho các bà mẹ vị thành niên nuôi dạy trẻ sơ sinh (Burton & Bengtson, 1985).

Có lẽ trường hợp đáng chú ý nhất là khi ông bà (hoặc cụ kỵ / great-grandparents) đang nuôi dưỡng cháu (hoặc chắt / great-grandchildren). Hơn bốn triệu trẻ em dưới 18 tuổi đang sống trong hộ gia đình của ông bà. Thường thì điều này xảy ra bởi vì cha mẹ của các em không có khả năng (do đi tù, nghiện ma túy, bạo lực, hoặc rối loạn tâm thần) hoặc không thể chăm sóc con cái mà không có sự trợ giúp (Minkler & Rowe, 1993). Nghiên cứu của Harris (2000) chỉ ra rằng khoảng 20.000 trẻ em chỉ riêng ở Quận Los Angeles hiện nay đang là trách nhiệm của ông bà hoặc cụ kỵ do các quyết định gần đây của tòa án về sự thiếu năng lực của cha mẹ (parents' lack of competence). Trong nghiên cứu của Harris, một bà ngoại đã được tòa án chỉ định làm người giám hộ cho 13 cháu của bà, sinh ra từ hai người con gái của bà, mỗi người đã bị tù nhiều lần vì tội liên quan đến ma túy đá / crack cocaine (Harris & Pedersen, 1997). Những trường hợp tương tự cũng được Minkler và Rowe đề cập trong nghiên cứu của họ về các bậc cha mẹ nghiện ma túy đá ở khu vực San Francisco.

Khi Cha Mẹ Ly Hôn và Tái Hôn, Ly Hôn và Tái Hôn

[tiêu đề được tác giả chủ động lặp lại hai lần 'ly hôn và tái hôn', hàm ý là chuyện ly hôn, tái hôn có thể không chỉ diễn ra 1 lần trong đời một người! - btv]

Tỷ lệ ly hôn tăng lên trong nửa cuối thế kỷ 20 đã tạo ra nhiều lo ngại về số phận của trẻ em (McLanahan & Sandefur, 1994). Khả năng một cuộc hôn nhân kết thúc bằng ly hôn đã tăng gấp đôi từ những năm 1960 đến những năm 1970, và một nửa số hôn nhân kể từ cuối những năm 1970 đã kết thúc bằng ly hôn (Cherlin, 1992). Khoảng 40% trẻ em Mỹ lớn lên trong những năm 1980 và 1990 đã trải qua sự tan vỡ hôn nhân của cha mẹ họ (Bengtson, Rosenthal, & Burton, 1995; Furstenberg & Cherlin, 1991), và đa số những đứa trẻ này cũng trải qua việc tái hôn của cha mẹ và thách thức của một "gia đình hỗn hợp / blended family." Trong bối cảnh bất ổn hôn nhân, sự tan vỡ của gia đình hạt nhân, và việc tái hôn của cha mẹ, rõ ràng là ông bà và ông bà kế đang trở nên quan trọng hơn đối với các mối liên kết gia đình (Johnson & Barer, 1987). Hai phần năm những bà mẹ ly hôn chuyển chỗ ở trong năm đầu tiên hậu ly hôn (McLanahan, 1983), và hầu hết trong số họ chuyển đến ở cùng với cha mẹ mình trong khi họ chuyển sang làm cha mẹ đơn thân (Goldscheider & Goldscheider, 1993).

Khi Sự Giúp Đỡ Diễn Ra Qua Các Thế Hệ, Nó Chủ Yếu Từ Trên Xuống

Một định kiến tiêu cực về thế hệ cao tuổi ngày nay là hình ảnh của những "ông bà tham lam" đang tiêu xài di sản của con cái mình cho niềm vui khi nghỉ hưu của bản thân (Bengtson, 1993). Điều này không phù hợp với sự thật. Các mô hình hỗ trợ và giúp đỡ giữa các thế hệ chủ yếu diễn ra từ thế hệ lớn tuổi xuống thế hệ trẻ hơn trong gia đình. Ví dụ, McGarry và Schoeni (1995) đã chỉ ra rằng gần một phần ba các bậc cha mẹ ở Mỹ đã tặng một món quà trị giá 500 đô la hoặc hơn cho ít nhất một trong số các con cái trưởng thành của họ trong năm qua; tuy nhiên, chỉ có 9% con trưởng thành báo cáo rằng họ đã cung cấp 500 đô la cho cha mẹ già của mình. Kết quả tương tự được báo cáo bởi Bengtson và Harootyan (1994) và Soldo và Hill (1993).

Silverstein và cộng sự (1995) lưu ý rằng các mô hình hỗ trợ liên thế hệ thay đổi theo thời gian. Các gia đình đa thế hệ đại diện cho "mạng lưới họ hàng tiềm ẩn" của sự hỗ trợ (Riley & Riley, 1993) thường chỉ được kích hoạt trong những thời điểm khủng hoảng. Điều này tương tự như quan điểm của Hagestad (1996) về người cao tuổi như là "Lực lượng Vệ binh Quốc gia Gia đình": Mặc dù phần lớn thời gian im lặng và không được chú ý, các ông bà (và cụ kỵ) sẽ tập hợp và hành động khi có vấn đề khẩn cấp liên quan đến phúc lợi, an lạc (well-being) của các thành viên thế hệ trẻ.

NGHIÊN CỨU VI MÔ XÃ HỘI VỀ MỐI QUAN HỆ LIÊN THẾ HỆ

Mặc dù đã có những thay đổi quan trọng trong nhân khẩu học của mối quan hệ liên thế hệ kể từ thế kỷ 19, số liệu thống kê về gia đình và cấu trúc hộ gia đình chỉ kể một phần của câu chuyện. Ở cấp độ hành vi, những thay đổi này có hậu quả trực tiếp hơn trong cách các thành viên gia đình tổ chức cuộc sống và theo đuổi mục tiêu của họ trong bối cảnh số năm "chia sẻ cuộc sống" giữa các thế hệ ngày càng tăng. Việc khái niệm hóa (conceptualize) và đo lường những tương tác liên thế hệ này

đã trở nên ngày càng quan trọng kể từ khi Burgess (1926) đưa ra định nghĩa về gia đình như là "sự thống nhất của các cá tính tương tác."

Mô hình Đoàn kết: Các Chiều của Mỗi Quan Hệ Liên Thế Hệ

Trong bối cảnh thảo luận về các cách tiếp cận tâm lý - xã hội đối với các mối quan hệ liên thế hệ, tôi nên xác định trước nghiên cứu mà tôi và các đồng nghiệp của tôi đã khám phá chúng, Nghiên cứu Dài hạn về các Thế hệ (LSOG / Longitudinal Study of Generations). Nghiên cứu này bắt đầu như một cuộc khảo sát cắt ngang (cross sectional survey) hơn 2.044 thành viên gia đình ba thế hệ, được lấy mẫu từ hơn 840.000 thành viên chính của HMO [Health Maintenance Organization] phục vụ miền Nam California vào thời điểm đó (xem Bengtson, 1975 và 1996, để biết chi tiết về các thủ tục lấy mẫu). Nó đã tiếp tục như một nghiên cứu dài hạn với dữ liệu được thu thập theo khoảng cách ba năm, thêm thế hệ chất vào năm 1991.

Một mối quan tâm trong LSOG kể từ khi nó bắt đầu 3 thập kỷ trước là khái niệm hóa và đo lường các mối quan hệ liên thế hệ. Chúng tôi sử dụng cấu trúc lý thuyết của sự *đoàn kết liên thế hệ (intergenerational solidarity)* như một phương tiện để mô tả các chiều kích hành vi và cảm xúc của tương tác, sự gắn kết, tình cảm và sự hỗ trợ giữa cha mẹ và con cái, ông bà và cháu, trong suốt quá trình của mối quan hệ lâu dài (long-term relationships). Chúng tôi định nghĩa sáu chiều kích khái niệm của sự đoàn kết liên thế hệ (Bengtson & Mangen, 1988; Bengtson & Schrader, 1982; Roberts, Richards, & Bengtson, 1991).

1. Đoàn kết cảm xúc (Affectual solidarity): Các cảm xúc và đánh giá mà các thành viên gia đình bày tỏ về mối quan hệ của họ với các thành viên khác (Bạn cảm thấy gần gũi với cha hoặc mẹ của mình như thế nào? Bạn hòa hợp với con cái hoặc cháu của mình đến mức nào? Bạn cảm nhận được bao nhiêu tình cảm từ họ?).

2. Đoàn kết liên kết (Associational solidarity): Loại và tần suất liên lạc giữa các thành viên gia đình qua các thế hệ.

3. Đoàn kết đồng thuận (Consensual solidarity): Sự đồng thuận trong quan điểm, giá trị và định hướng giữa các thế hệ.

4. Đoàn kết chức năng (Functional solidarity) (hỗ trợ): Sự cho và nhận sự hỗ trợ qua các thế hệ, bao gồm trao đổi cả tài sản hữu hình và sự phục vụ cũng như hỗ trợ tình cảm.

5. Đoàn kết chuẩn mực (Normative solidarity): Kỳ vọng, mong đợi về nghĩa vụ con cái và cha mẹ, cũng như các chuẩn mực về tầm quan trọng của giá trị gia đình.

6. Đoàn kết cấu trúc (Structural solidarity): "Cơ cấu cơ hội" cho tương tác giữa các thế hệ phản ánh sự gần gũi về địa lý giữa các thành viên gia đình.

Lý do lý thuyết cho sáu chiều kích này và tính đầy đủ (hoặc hạn chế) của việc đo lường chúng trong nghiên cứu khảo sát đã được mô tả chi tiết trong một tập sách của Mangen, Bengtson và Landry (1988) và trong các bài báo tiếp theo (Roberts & Bengtson, 1990; Roberts và các cộng sự, 1991; Silverstein và các cộng sự, 1995). Mô hình đoàn kết đã chứng minh là hữu ích trong nghiên cứu của các nhà điều tra khác (Amato & Booth, 1997; Lee, Netzer, & Coward, 1994; Marshall, Matthews & Rosenthal, 1993; Rossi & Rossi, 1990). Nó có thể được coi là biểu hiện của định nghĩa hoạt động cho quan điểm lý thuyết về quá trình đời sống / life course theoretical perspective (Bengtson & Allen, 1993; Elder, Rudkin, & Conger, 1994).

Sức mạnh của Mối quan hệ Liên thế hệ theo Thời gian

Sử dụng dữ liệu dài hạn từ LSOG, chúng tôi đã có thể theo dõi quá trình của các chiều kích đoàn kết liên thế hệ theo thời gian. Thiết kế của chúng tôi cho phép xem xét sự phát triển và lão hóa của mỗi ba và bây giờ là bốn thế hệ trong mẫu nghiên cứu của chúng tôi, cũng như bối cảnh xã hội lịch sử của đời sống gia đình khi nó thay đổi qua các năm của nghiên cứu (Bengtson và các cộng sự, đang chuẩn bị xuất bản).

Một kết quả nhất quán liên quan đến mức độ cao của đoàn kết cảm xúc (phản ánh mối liên kết cảm xúc giữa các thế hệ) đã được tìm thấy qua sáu lần đo lường, từ năm 1971 đến 1997 (Bengtson và các cộng sự, 2000). Ba điều cần lưu ý. Chúng tôi thấy rằng điểm đoàn kết trung bình giữa ông bà và cha mẹ, cha mẹ và thanh thiếu niên, ông bà và cháu cao, cao hơn đáng kể điểm trung bình mong đợi của thang đo. Thứ hai, các điểm số này rất ổn định qua 26 năm đo lường; không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê theo thời gian đo lường, và các điểm số có mối tương quan theo thời gian từ 0,5 đến 0,8. Thứ ba, có một sự "thiên vị thế hệ / generational bias" trong các báo cáo này: Cha mẹ luôn báo cáo mức độ cảm xúc cao hơn so với con cái của họ theo thời gian, cũng như ông bà so với cháu. Điều này ủng hộ giả thuyết "cổ phần liên thế hệ / intergenerational stake" được đề xuất lần đầu tiên 30 năm trước (Bengtson & Kuypers, 1971; Giarrusso, Stallings, & Bengtson, 1995). Thế hệ lớn tuổi có sự đầu tư tâm lý - xã hội lớn hơn, hay "cổ phần", trong mối quan hệ chung của họ so với thế hệ trẻ, và điều này ảnh hưởng đến nhận thức và đánh giá của họ về mối quan hệ liên thế hệ chung của họ.

Những kết quả này chỉ ra mức độ cao của sự gắn kết cảm xúc qua các thế hệ và sự ổn định đáng kể của mối quan hệ cảm xúc giữa cha mẹ và con cái qua các thời kỳ dài.

BẢNG 1. XÂY DỰNG MỘT KIỂU MẪU CỦA CÁC MỐI QUAN HỆ LIÊN THẾ HỆ SỬ DỤNG NĂM BIẾN SỐ ĐOÀN KẾT

Types of Relationships	Affect (Close)	Consensus (Agree)	Structure (Proximity)	Association (Contact)	Gives Help	Receives Help
Tight-knit	+	+	+	+	+	+
Sociable	+	+	+	+	-	-
Intimate but distant	+	+	-	-	-	-
Obligatory	-	-	+	+	(+)	(+)
Detached	-	-	-	-	-	-

Chú thích:

- Types of Relationships: Các Loại Mối Quan Hệ
- Affect (Close): Cảm xúc (Gần gũi)
- Consensus (Agree): Đồng thuận (Đồng ý)
- Structure (Proximity): Cấu trúc (Gần nhau)
- Association (Contact): Liên kết (Tiếp xúc)
- Gives Help: Cho sự giúp đỡ
- Receives Help: Nhận sự giúp đỡ

- Tight-knit: Khăng khít
- Sociable: Thân mật
- Intimate but distant: Thân mật nhưng xa cách
- Obligatory: Bắt buộc
- Detached: Tách biệt

Đồng thời, cũng cần lưu ý rằng không phải tất cả các mối quan hệ liên thế hệ đều thể hiện mức độ gần gũi cảm xúc cao như vậy. Chúng tôi thấy rằng khoảng một trong năm mối quan hệ được đặc trưng bởi xung đột đáng kể (Clarke và các cộng sự, 1999) hoặc sự tách biệt (như sẽ được thảo luận ở phần tiếp theo).

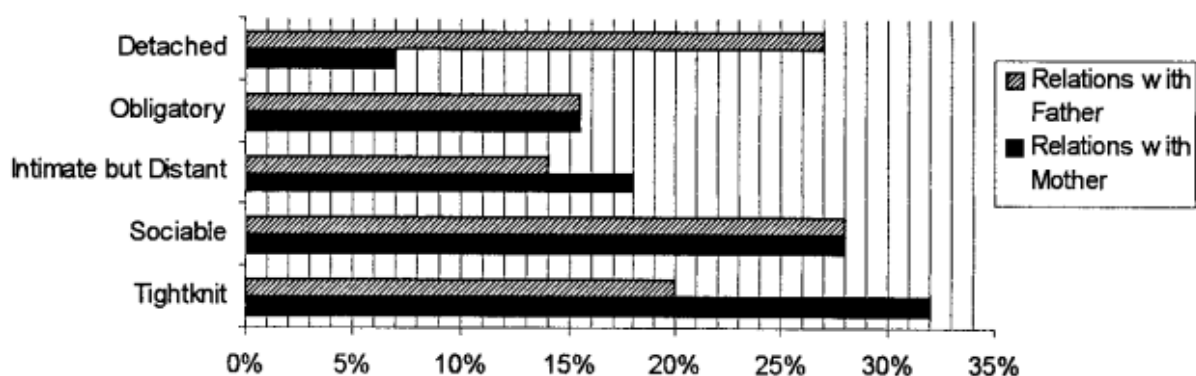
Sự Đa Dạng của Các Mối Quan Hệ Liên Thế Hệ

Để hiểu rõ hơn về sự phức tạp và mâu thuẫn của các mối quan hệ xuyên thế hệ, chúng tôi đã sử dụng phân tích lớp tiềm ẩn (LCA) để xem xét cấu trúc kiểu mẫu cơ bản trong các phép đo đoàn kết liên thế hệ trong một mẫu quốc gia đại diện (Silverstein & Bengtson, 1997). Phương pháp này cho phép chúng tôi đồng thời so sánh năm chiều kích đoàn kết, một số phù hợp, số khác không phù hợp, trong một khuôn khổ đa chiều (multidimensional framework). Chúng tôi tìm thấy năm loại hoặc lớp mối quan hệ gia đình liên thế hệ (xem Bảng 1). Một loại chúng tôi gọi là "Khăng khít" (Tight-Knit), đặc trưng bởi mức độ gần gũi về cảm xúc cao, sống khá gần nhau, tương tác thường xuyên và có mức độ giúp đỡ và hỗ trợ lẫn nhau cao. Điều này tương tự như mô tả của Parsons (1944) về loại mối quan hệ "gia đình hiện đại" lý tưởng. Ở thái cực khác là loại "Tách biệt" (Detached), với mức độ kết nối thấp trong tất cả các phép đo đoàn kết được quan sát. Điều này tương tự như điều sẽ được dự đoán bởi giả thuyết "suy giảm của gia đình". Giữa loại Khăng khít và Tách biệt là ba lớp mà chúng tôi gọi là các loại đa dạng [variegated types] (Silverstein & Bengtson, tr. 442). Các loại "Thân mật" (Sociable) và "Thân thiết nhưng xa cách" (Intimate-but-Distant) có vẻ tương tự như những gì Litwak (1960a) mô tả là "gia đình mở rộng được sửa đổi" trong đó trao đổi chức năng thấp hoặc không có, nhưng có mức độ tình cảm cao cho thấy tiềm năng cho sự hỗ trợ và trao đổi trong tương lai. Loại "Bắt buộc" (Obligatory) cho thấy mức độ kết nối cấu trúc cao (sự gần gũi và tương tác) với mức độ trao đổi chức năng trung bình, nhưng mức độ gắn bó về cảm xúc thấp.

Tiếp theo, chúng tôi đã đánh giá sự phân bố của năm loại này bằng một mẫu quốc gia đại diện từ Nghiên cứu về Mối Liên Kết Liên Thế Hệ của Hiệp Hội Người Về Hưu Mỹ [American Association of Retired People Study of Intergenerational Linkages] (xem Bengtson & Harootyan, 1994, để biết chi tiết). Kết quả cho thấy sự đa dạng đáng kể (considerable diversity) của các mối quan hệ liên thế hệ trong xã hội Mỹ hiện đại, đặc biệt là về mặt giới tính. Khi chúng tôi xem xét các phản hồi từ con cái trưởng thành về sự tương tác của họ với cha mẹ (cha và mẹ lớn tuổi kết hợp), chúng tôi thấy sự phân bố đáng ngạc nhiên tương tự trên năm loại mối quan hệ liên thế hệ. Các loại Tight-Knit (Khăng khít) và Thân mật (Sociable) mỗi loại chiếm 25% mẫu; các loại Bắt buộc (Obligatory) và Thân thiết nhưng xa cách (Intimate-but-Distant) mỗi loại là 16%; và loại Tách biệt (Detached) chiếm 17% (Silverstein & Bengtson, 1997). Không có một loại nào là thống trị, cho thấy sự đa dạng của các hình thức và phong cách gia đình Mỹ.

Sau đó, chúng tôi đã xem xét sự khác biệt giữa các giới tính trong những phân bố này—cách mà mối quan hệ với các bà mẹ lớn tuổi so sánh với các ông bố lớn tuổi. Tại đây chúng tôi thấy những sự tương phản đáng kể, như được chỉ ra trong Hình 1. Ở một thái cực, mối quan hệ với mẹ có khả năng cao hơn là Khăng khít (31%) so với mối quan hệ với cha (20%). Ở thái cực kia, mối quan hệ với cha có khả năng cao gấp bốn lần để trở nên Tách biệt (27%) so với mối quan hệ với mẹ (7%). Thực tế, mối quan hệ Tách biệt là loại mối quan hệ thường gặp thứ hai giữa các ông bố lớn tuổi và con cái trưởng thành của họ.

HÌNH 1. CÁC LOẠI MỐI QUAN HỆ LIÊN THẾ HỆ, THEO GIỚI TÍNH CỦA CHA MẸ



Tiếp theo, chúng tôi đã xem xét các yếu tố dự đoán khác về sự khác biệt trong phân phối các loại mối quan hệ liên thế hệ: dân tộc (ethnicity) và chủng tộc (race), thu nhập (tình trạng kinh tế xã hội), tuổi tác và giới tính của con cái. Không có sự khác biệt nào theo mức thu nhập, cũng như không có kết quả khác biệt về tuổi hay giới tính của con cái. Tuy nhiên, chúng tôi đã tìm thấy những biến thể quan trọng về chủng tộc và dân tộc. Người da đen (Blacks) và người gốc từ các nước nói tiếng Tây Ban Nha (Hispanics) ít có khả năng hơn so với người da trắng không Hispanics có mối quan hệ Bắt buộc với mẹ, và người da đen ít có khả năng hơn so với người da trắng có mối quan hệ Tách biệt với mẹ. Điều này tương ứng với các nghiên cứu khác đã tìm thấy sự gắn kết mạnh mẽ hơn với mẹ trong các gia đình da đen và Hispanics so với trong các gia đình da trắng.

Những kết quả này cho thấy sự đại dộ, ngốc nghếch của việc sử dụng một mô hình "một kích cỡ vừa vặn với tất cả / one size fits all" cho các mối quan hệ liên thế hệ. Có sự đa dạng đáng kể giữa các loại; không có một loại mô hình nào là chính. Các phát hiện của chúng tôi cũng có thông điệp của Burton (1995) trong việc liệt kê 16 loại cấu trúc mối quan hệ giữa các bà mẹ tuổi teen và các thành viên thế hệ lớn hơn trong gia đình: Sự đa dạng (diversity) và phức tạp (complexity) là những đặc điểm vốn có của các mạng lưới gia đình qua các thế hệ.

Tác động của Việc thay đổi hình thức gia đình đối với Ảnh hưởng liên thế hệ

Việc đặt các gia đình đa thế hệ trong bối cảnh xã hội lịch sử (sociohistorical context) cho phép chúng ta mở rộng cuộc điều tra về tầm quan trọng và chức năng của nó. Ảnh hưởng liên thế hệ đã thay đổi như thế nào trong thời gian lịch sử gần đây? Gia đình vẫn còn quan trọng trong việc hình thành kết quả phát triển của giới trẻ không? Những tác động của việc thay đổi cấu trúc và vai trò gia đình, hậu quả của ly hôn và công việc làm của mẹ, đã ảnh hưởng như thế nào đến ảnh hưởng liên thế hệ? Chúng tôi đã sử dụng LSOG 30 năm để khám phá những vấn đề này.

Một đặc điểm quan trọng của LSOG là đã có đủ thời gian trôi qua kể từ khi bắt đầu vào năm 1971 mà độ tuổi của các thành viên các thế hệ

khác nhau được đánh giá đã bắt đầu trùng lặp nhau. Điều này cung cấp những gì chúng tôi gọi là thiết kế tuần tự theo thế hệ. Một hạn chế của các bộ dữ liệu hiện có là các nhà nghiên cứu không thể theo dõi sự thay đổi qua các thế hệ trong các gia đình cụ thể qua hàng thập kỷ, cũng không rút ra kết luận về mối quan hệ giữa sự thay đổi lịch sử trong cấu trúc gia đình và ảnh hưởng liên thế hệ và kết quả xã hội hóa. LSOG là duy nhất vì sự tích lũy của các đánh giá dọc theo nhiều thế hệ trong cùng một gia đình ở các thời kỳ lịch sử khác nhau.

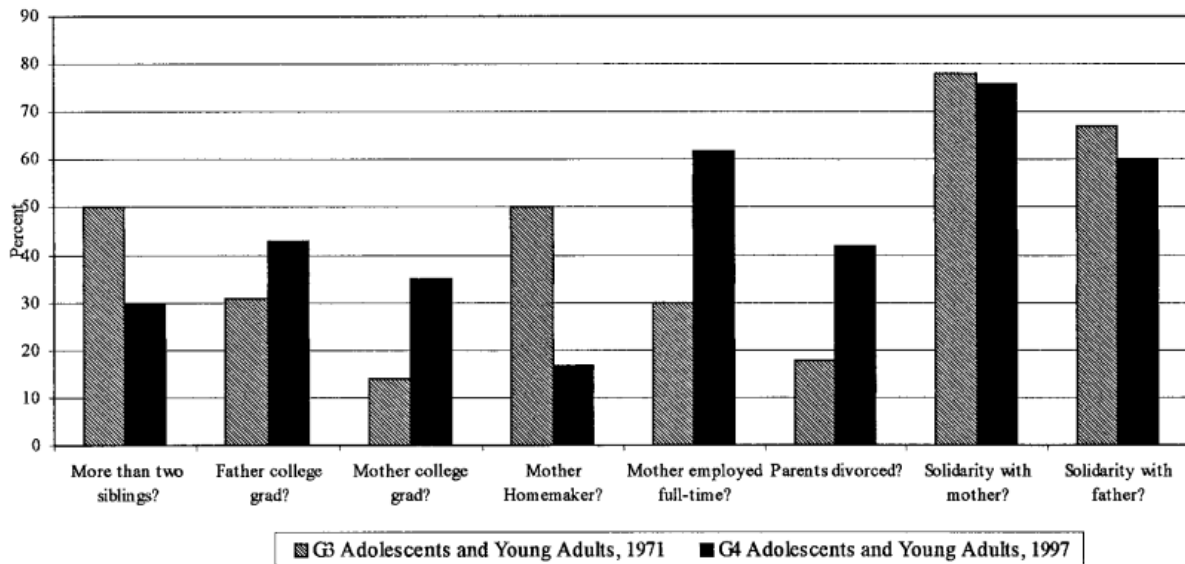
Trong một khung cảnh quá trình đời sống tập trung vào sự tương tác của quá trình vĩ mô kinh tế và quan hệ vi mô, Bengtson, Biblag và Roberts (sắp xuất bản) đã xem xét sự phát triển và nuôi dưỡng định hướng thành tích của giới trẻ: Các khát vọng nghề nghiệp và học vấn của họ (educational and occupation career aspirations), các giá trị (values) và lòng tự trọng (self-esteem) của họ. Định hướng thành tích được coi là các thuộc tính cá nhân có thể được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác trong gia đình, thúc đẩy sự liên tục qua nhiều dòng thế hệ trong nhiều thập kỷ lịch sử. Chúng ta cũng biết rằng mối liên kết cảm xúc cha mẹ - con cái có thể điều tiết quá trình này. Do đó, việc nghiên cứu các quá trình truyền đạt liên thế hệ này là hữu ích. Khi làm như vậy, chúng ta có thể kiểm định thực nghiệm các giả thuyết về sự suy giảm gia đình hoặc tầm quan trọng và sự đa dạng của gia đình liên thế hệ.

Phân tích của chúng tôi (Bengtson và các cộng sự, sắp xuất bản) đã so sánh định hướng thành tích của giới trẻ thuộc Thế hệ X (18 đến 22 tuổi) ngày nay với cha mẹ họ thuộc thế hệ baby-boomer khi họ cùng lứa tuổi vào năm 1971. Chúng ta biết rằng Thế hệ X đã lớn lên trong những gia đình có cấu trúc khác biệt so với gia đình của cha mẹ họ. Điều này đã ảnh hưởng như thế nào đến định hướng thành tích của họ: những khát vọng, giá trị và lòng tự trọng của họ?

Hình 2 minh họa sự khác biệt như thế nào về bối cảnh gia đình của hai thế hệ liên tiếp này. Thế hệ X có nhiều khả năng hơn cha mẹ baby-boomer của họ lớn lên trong một gia đình có ít hơn hai anh chị em, với cha và mẹ tốt nghiệp đại học, với mẹ làm việc toàn thời gian, và quan trọng nhất, trong một hộ gia đình ly hôn (40% cho Thế hệ X, 20% cho cha mẹ họ thuộc thế hệ baby-boomer). Với những khác biệt này, hai

thế hệ so sánh như thế nào về đoàn kết gia đình (family solidarity) và định hướng thành tích (achievement orientations)?

HÌNH 2. NHỮNG THAY ĐỔI LỊCH SỬ TRONG CẤU TRÚC GIA ĐÌNH VÀ CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA CHA MẸ: 'THẾ HỆ X' SO SÁNH VỚI CHA MẸ THUỘC THẾ HỆ BABY-BOOMER Ở CÙNG ĐỘ TUỔI



Chú thích:

- More than two siblings: Có nhiều hơn hai anh chị em
- Father college grad: Cha tốt nghiệp đại học
- Mother college grad: Mẹ tốt nghiệp đại học
- Mother Homemaker: Mẹ ở nhà nội trợ
- Mother employed full-time: Mẹ có công việc toàn thời gian
- Parents divorced: Cha mẹ ly hôn
- Solidarity with mother: Gắn kết với mẹ
- Solidarity with father: Gắn kết với cha

Phân tích của chúng tôi cho thấy Thế hệ X ngày nay khá giống với cha mẹ baby-boomer của họ về các chỉ số này khi cùng lứa tuổi, gần 30 năm trước. Điều này cho thấy rằng mặc dù có sự thay đổi về cấu trúc gia đình và bối cảnh kinh tế - xã hội, ảnh hưởng liên thế hệ đối với định hướng thành tích của giới trẻ vẫn mạnh mẽ. Thế hệ X có cha mẹ ly hôn có phần thiệt thòi hơn về định hướng thành tích so với Thế hệ X đến từ gia đình không ly hôn nhưng vẫn cao hơn về các chỉ số kết quả này so với cha mẹ họ thuộc thế hệ baby-boomer ở cùng độ tuổi, bất kể cấu trúc gia đình. Chúng tôi cũng thấy rằng công việc làm của mẹ [mẹ có công việc toàn thời gian] không ảnh hưởng tiêu cực đến khát vọng, giá trị và lòng tự trọng của giới trẻ qua hai thế hệ, bất chấp sự gia tăng đáng kể trong sự tham gia lực lượng lao động của phụ nữ trong ba thập kỷ qua. Cuối cùng, chúng tôi thấy rằng phụ nữ Thế hệ X có khát vọng giáo dục

và nghề nghiệp cao hơn đáng kể vào năm 1997 so với mẹ họ thuộc thế hệ baby-boomer gần 30 năm trước. Thực tế, khát vọng của phụ nữ trẻ Thế hệ X cao hơn so với nam giới trẻ Thế hệ X.

Những phát hiện này thách thức giả thuyết cho rằng các gia đình đang suy giảm chức năng và tầm ảnh hưởng và rằng các cấu trúc gia đình "thay thế" là nguyên nhân gây ra sự suy thoái của giới trẻ Mỹ. Các gia đình đa thế hệ vẫn tiếp tục thực hiện chức năng của mình trước những thay đổi xã hội gần đây và trước sự đa dạng của các hình thức gia đình.

Ý nghĩa cho Nghiên cứu Gia đình Đa Thế Hệ

Mô hình nghiên cứu đoàn kết liên thế hệ (intergenerational solidarity) chỉ là một bước khởi đầu trong việc hiểu các quá trình và động lực của các mối quan hệ đa thế hệ theo thời gian. Tuy nhiên, đó là một sự khởi đầu, và công trình nghiên cứu mà tôi và các đồng nghiệp của tôi đã theo đuổi trong hai thập kỷ qua cho thấy một số điều về các mối quan hệ gia đình.

Thứ nhất, các mối quan hệ liên thế hệ là phức tạp (Amato & Booth 1997; Szinovacz, 1998). Chúng không chỉ bao gồm cấu hình nhân khẩu học (số lượng và khả năng tiếp cận của họ hàng / number and availability of kin) mà còn bao gồm cấu trúc cơ hội cho tương tác (sự gần gũi địa lý / geographic proximity). Chúng không chỉ phản ánh hành vi (tần suất liên lạc, sự giúp đỡ lẫn nhau [cho và nhận]) mà còn bao gồm các chiều kích cảm xúc-nhận thức (cảm giác gần gũi và gắn kết, sự tương đồng về giá trị và quan điểm). Chúng liên quan không chỉ đến các giao dịch liên thế hệ có thể đếm được (số tiền hỗ trợ tài chính cho hoặc nhận từ các thành viên thế hệ khác) mà còn đến các vấn đề chuẩn mực (nghĩa vụ con cái và giá trị về tầm quan trọng của mối quan hệ gia đình) có thể dẫn đến việc giúp đỡ được cho hoặc nhận trong tương lai. Ngắn gọn, có nhiều chiều kích của các mối quan hệ liên thế hệ. Hầu hết các nghiên cứu đến nay chỉ tập trung vào nhân khẩu học của các mối quan hệ liên thế hệ (cấu trúc gia đình và sự gần gũi của các thành viên gia đình với nhau) hoặc vào các hành vi như liên lạc và trao đổi tài sản hữu hình giữa các thế hệ. Tuy nhiên, các chiều kích cảm xúc-nhận thức (Emotional-cognitive) và chuẩn mực (normative) của các mối quan hệ

liên thế hệ xứng đáng nhận được sự chú ý ngang bằng trong nghiên cứu (Rossi & Rossi, 1990).

Thứ hai, các nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tính đa diện của các mối quan hệ liên thế hệ có thể được tóm tắt bằng một số lượng tương đối nhỏ các khái niệm. Ví dụ, năm chỉ số đoàn kết có thể được xem xét đồng thời; điều này dẫn đến năm loại đa chiều từ Khăng khít đến Tách biệt. Thú vị là, các loại này dường như được phân bố khá đều trong một mẫu của người lớn ở Mỹ. Không có một loại nào chiếm ưu thế: Với một phần tư các mối quan hệ liên thế hệ được phân loại là Khăng khít và một phần sáu khác được phân loại là Tách biệt, điều này cho thấy sự đa dạng đáng kể trong các mối quan hệ liên thế hệ của gia đình ngày nay.

Thứ ba, nếu những dữ liệu này được sử dụng để kiểm tra giả thuyết "suy giảm gia đình" của Popenoe, thì không có nhiều bằng chứng ủng hộ nó ở đây. Ngược lại, có sự ủng hộ cho các quan điểm của các học giả nữ quyền liên quan đến sự tương phản giới tính đáng kể trong các mối quan hệ gia đình: Mối quan hệ của con cái trưởng thành với cha già có nhiều khả năng là Tách biệt, trong khi những mối quan hệ với mẹ thì có nhiều khả năng là Khăng khít. Hơn nữa, chúng tôi thấy rằng các gia đình Mỹ tiếp tục thực hiện chức năng xã hội hóa của mình qua các thế hệ liên tiếp, truyền đạt khát vọng, giá trị và lòng tự trọng, ngay cả khi cha mẹ đã ly hôn.

Có những vấn đề khác cần được theo đuổi [tìm hiểu thêm]. Ví dụ, chúng ta phải nhận ra rằng xung đột là một chiều kích quan trọng khác trong các mối quan hệ liên thế hệ (Clarke và các cộng sự, 1999) và "mâu thuẫn giữa xung đột và đoàn kết" (Bengtson và các cộng sự, 1995, tr. 351) là đặc điểm của hầu hết các mối quan hệ cha mẹ - con cái. Người khác đã gọi điều này là "mâu thuẫn liên thế hệ / intergenerational ambivalence" (Luescher & Pillemer, 1998). Bất kể chúng ta gọi nó như thế nào, chúng ta cần nhiều nghiên cứu hơn về bản chất và nguồn gốc của xung đột liên thế hệ, trong bối cảnh của sự đoàn kết rộng rãi mà nhiều gia đình dường như thể hiện theo thời gian (Richlin-Klonsky & Bengtson, 1996).

Cuối cùng, mô hình nghiên cứu (research paradigm) của chúng tôi chủ yếu dựa trên dữ liệu khảo sát (survey data) và phân tích định lượng (quantitative analyses). Những phương pháp này lý tưởng cho việc kiểm tra xu hướng trung tâm (central tendencies) và phân phối trên một mẫu lớn (distributions over a large sample) nhưng lại che giấu những nét tinh tế và sự khác biệt cá nhân trong các phản hồi. Ngoài ra, kết quả khảo sát bị giới hạn ở các cặp đôi (một cha mẹ và một con cái), khiến việc phân tích các gia đình đa thế hệ "toàn diện" trở nên khó khăn (Hagestad, 1996). Chúng tôi đã tiến hành các nghiên cứu định tính song song với sự phát triển của mô hình đoàn kết, và những nghiên cứu này đã tiết lộ những chủ đề quan trọng trong tiến trình của gia đình đa thế hệ theo thời gian. Một là lịch sử "xa cách và quay trở lại" của một gia đình đa thế hệ theo thời gian (Richlin-Klonsky & Bengtson, 1996). Một câu chuyện thứ hai là sự tương phản giữa các chiến lược chăm sóc gia đình "tập thể và cá nhân" trong 20 gia đình đa thế hệ (Pyke & Bengtson, 1996). Một câu chuyện thứ ba là các "câu chuyện gia đình" tương phản trong các gia đình bốn thế hệ được xem xét qua nhiều thập kỷ (Gardner, Preston, & Bengtson, 1998). Những hiểu biết từ các nghiên cứu này gợi ý cho tôi rằng việc khám phá thêm về các vấn đề gia đình đa thế hệ sẽ được thúc đẩy tốt nhất bằng sự kết hợp của các phương pháp: các nghiên cứu định tính tập trung vào một vài gia đình dẫn đầu trong việc tạo ra các giả thuyết mới, sau đó có thể được kiểm tra bằng dữ liệu khảo sát quy mô lớn.

LIÊN KẾT GIA ĐÌNH ĐA THẾ HỆ: QUAN TRỌNG HƠN BAO GIỜ HẾT?

Giả thuyết của tôi là các mối liên kết gia đình đa thế hệ rất quan trọng, quan trọng hơn nhiều so với những gì nghiên cứu gia đình đã công nhận cho đến nay. Tôi đã lập luận rằng các thay đổi dân số trong suốt thế kỷ 20 ("từ kim tự tháp thành cây đậu" và "nhiều năm chia sẻ cuộc sống với nhau hơn") có những hàm ý quan trọng đối với các gia đình ở thế kỷ 21, đặc biệt là liên quan đến "mạng lưới tiềm năng" của sự hỗ trợ gia đình qua các thế hệ. Tôi đã đề xuất rằng các mối quan hệ đa thế hệ ngày càng đa dạng về cấu trúc và chức năng trong xã hội Mỹ. Tôi cũng nêu ý kiến rằng do sự gia tăng bất ổn hôn nhân và ly hôn đã làm suy

yếu nhiều gia đình hạt nhân, những mối liên kết đa thế hệ này không chỉ tăng cường mà trong một số trường hợp còn thay thế một số chức năng của gia đình hạt nhân đã được tranh luận nhiều gần đây.

Để kiểm tra giả thuyết này về tầm quan trọng ngày càng tăng của các mối liên kết đa thế hệ sẽ yêu cầu nghiên cứu như sau: Đầu tiên, chúng tôi cần phải xem xét dữ liệu dài hạn để theo dõi tính nổi bật theo thời gian của mô hình đa thế hệ. Lập luận của tôi (theo Riley & Riley 1993) là các mối quan hệ đa thế hệ đại diện cho một "mạng lưới họ hàng tiềm năng" có thể không hoạt động và không được công nhận trong thời gian dài, cho đến khi xảy ra khủng hoảng gia đình. Điều này được thể hiện khi ông bà được gọi đến để giúp nuôi dưỡng cháu; khi các thành viên gia đình cao niên trở nên bất lực và con cái trưởng thành cùng các họ hàng khác cung cấp sự hỗ trợ chăm sóc. May mắn thay, bây giờ chúng ta có một số nghiên cứu dài hạn lớn đang diễn ra (như Cuộc khảo sát Quốc gia về Gia đình và Hộ Gia đình / National Survey of Families and Households, Khảo sát Sức khỏe và Nghỉ hưu / Health and Retirement Survey, Phân tích Kinh tế và Nhân khẩu Hộ Gia đình / Analysis of Household Economics and Demography, v.v.) có thể được sử dụng để xem xét sự kích hoạt của các mạng lưới họ hàng tiềm năng theo thời gian.

Chúng tôi cần dữ liệu xu hướng để xem xét liệu các gia đình đa thế hệ có thực sự tương tác nhiều hơn và thực hiện nhiều chức năng hơn cho các thành viên trong thế kỷ 21 so với quá khứ hay không. Chúng tôi cần khám phá xu hướng về tuổi thọ, sức khỏe người cao niên, cấu trúc đa thế hệ dạng cây đậu và sự già đi của thế hệ baby boomers ảnh hưởng như thế nào đến đoàn kết và hỗ trợ liên thế hệ.

Thứ ba, chúng tôi cần nhiều dữ liệu hơn về sự đa dạng chủng tộc và dân tộc của các hình thức gia đình Mỹ. Chúng tôi cần xem xét ảnh hưởng đa thế hệ trong và giữa các nhóm dân tộc thiểu số, như các gia đình thiểu số và người nhập cư thế hệ thứ nhất và thứ hai. Ví dụ, có bằng chứng đáng kể cho thấy đối với nhiều người Mỹ gốc Phi, các mối quan hệ họ hàng mở rộng quan trọng hơn so với các gia đình da trắng (Burton, 1995). Như đã được quan sát nhiều lần trong lịch sử gần đây

của chúng ta, các mẫu hình của nhóm thiểu số có thể báo hiệu những thay đổi sắp xảy ra đối với các gia đình đa chủng chủng tộc.

Chúng tôi cũng cần dữ liệu phản ánh sự đa dạng ngày càng tăng của các hình thức gia đình Mỹ ngoài mối quan hệ sinh học (ruột thịt) và hôn nhân. Chúng tôi cần xem xét các mối quan hệ đa thế hệ của các gia đình đồng tính nam và đồng tính nữ và của những bậc cha mẹ chưa kết hôn bao giờ. Chúng tôi cần dữ liệu xuyên quốc gia để xem xét cách các mối quan hệ đa thế hệ đang thay đổi và những hàm ý của những thay đổi này. Ví dụ, trước sự công nghiệp hóa nhanh chóng và già hóa dân số, chúng ta đang thấy sự thay đổi về ý nghĩa và biểu hiện của "hiếu thuận / filial piety" trong các xã hội châu Á. Ở Hàn Quốc và Nhật Bản, ví dụ, việc chia sẻ nhà ở đa thế hệ đang trở nên ít phổ biến hơn (Bengtson & Putney, 2000). Điều này có ý nghĩa gì đối với các chuẩn mực Nho giáo (Confucian) về chăm sóc cha mẹ? Chúng tôi cũng cần xem xét sự thay đổi hỗn hợp giữa nhà nước và các quy định gia đình đối với người cao niên. Mâu thuẫn thay, có vẻ như các xã hội phương Đông đang trở nên phụ thuộc nhiều hơn vào các quy định của nhà nước đối với người cao niên, trong khi các xã hội phương Tây đang đối mặt với nguồn lực chính phủ suy giảm và đặt nhiều trách nhiệm hơn lên gia đình (Bengtson & Putney).

Cuối cùng, chúng ta cần tập trung vào các chính sách liên quan đến tầm quan trọng ngày càng tăng của các mối liên kết đa thế hệ. Cần làm gì để củng cố sự hỗ trợ gia đình đa thế hệ? Quyền thăm nom của ông bà gần đây đã bị thách thức tại Tòa án Tối cao Hoa Kỳ (U.S. Supreme Court); điều này có ý nghĩa gì trong bối cảnh các quyết định khác của tòa án đặt nhiều trách nhiệm hơn lên ông bà như những người giám hộ được tòa án chỉ định cho cháu?

KẾT LUẬN: VƯỢT QUA GIA ĐÌNH HẠT NHÂN

Liệu các gia đình có đang giảm tầm quan trọng trong xã hội Mỹ? Bảy thập kỷ trước, Ernest W. Burgess đã đặt câu hỏi này từ quan điểm về sự biến đổi của gia đình qua các thế kỷ 19 và 20. Giả thuyết của ông là gia đình và chức năng của nó đã thay đổi từ một thể chế xã hội dựa trên

pháp luật và phong tục sang một tập hợp các mối quan hệ dựa trên cảm xúc và tình bạn (Burgess, 1926). Nhưng điều này không có nghĩa là mất đi tầm quan trọng xã hội. Ông đề xuất rằng gia đình hiện đại nên được coi là "sự thống nhất của các cá tính tương tác / a unity of interacting personalities" (Burgess) và rằng nghiên cứu trong tương lai nên tập trung vào động lực tương tác trong gia đình. Trong tất cả những điều này, trọng tâm của Burgess, và của những người theo sau ông (Ogburn, 1932; Parsons, 1944), là hình thức gia đình hạt nhân (nuclear family form).

Bảy thập kỷ sau, câu hỏi này—liệu gia đình có đang giảm tầm quan trọng hay không?—đã xuất hiện trở lại. Một số chuyên gia gia đình đã đưa ra giả thuyết rằng gia đình đã mất hầu hết các chức năng xã hội của mình cùng với sự giảm cấu trúc do tỷ lệ ly hôn cao và sự vắng mặt ngày càng tăng của các ông bố trong cuộc sống của nhiều trẻ em (Popenoe, 1993). Một giả thuyết tương phản là gia đình đang trở nên đa dạng hơn về cấu trúc và hình thức (Skolnick, 1991; Stacey, 1996).

Trong bài viết này, tôi đã đề xuất một giả thuyết khác, một giả thuyết vượt ra ngoài sự quan tâm trước đây của chúng ta đối với cấu trúc gia đình hạt nhân hoặc hai thế hệ. Điều này liên quan đến tầm quan trọng ngày càng tăng của các mối liên kết đa thế hệ và sự mở rộng chức năng gia đình đa thế hệ. Tôi muốn rõ ràng về giả thuyết này vì nó khác với quan điểm thông thường về những vấn đề cấp bách nhất của các gia đình Mỹ ngày nay và vì tôi hy vọng nó sẽ tạo ra nhiều cuộc tranh luận. Tôi đã đề xuất rằng (a) các mối quan hệ đa thế hệ (những mối quan hệ này liên quan đến ba hoặc nhiều thế hệ hơn) đang trở nên ngày càng quan trọng đối với cá nhân và gia đình trong xã hội Mỹ; (b) những mối quan hệ đa thế hệ này đang ngày càng đa dạng về cấu trúc và chức năng; và (c) đối với nhiều người Mỹ, các mối liên kết đa thế hệ đang trở nên quan trọng hơn các mối liên kết gia đình hạt nhân về sự ổn định và hỗ trợ trong suốt cuộc đời của họ.

Burgess đã đúng, nhiều thập kỷ trước: Gia đình Mỹ đang trong quá trình chuyển đổi. Nhưng nó không chỉ chuyển đổi "từ thể chế sang tình bạn / from institution to companionship," như ông lập luận. Trong thế kỷ qua, đã có những thay đổi đáng kể trong cấu trúc và chức năng của gia đình.

Nổi bật trong số đó là sự mở rộng của các mối liên kết gia đình, của tình cảm và sự khăng định, của sự giúp đỡ và hỗ trợ, qua nhiều thế hệ, dù đó là mối liên kết ruột thịt (biological ties) hay sự tạo dựng mối quan hệ giống như họ hàng (kinlike relationship). Nhưng khi các gia đình thay đổi, chúng không nhất thiết giảm tầm quan trọng. Sự phổ biến và tầm quan trọng ngày càng tăng của các mối liên kết đa thế hệ đại diện cho một nguồn lực quý giá mới cho các gia đình trong thế kỷ 21.

GHI CHÚ

Tôi muốn ghi nhận món nợ của mình đối với giải thưởng này đến Roseann Giarrusso, Merrill Silverstein, Robert Roberts, và Timothy Biblarz, những đồng nghiệp điều tra viên của tôi trong Nghiên cứu Dài hạn về Các Thế hệ qua nhiều năm. Tôi cũng muốn cảm ơn các sinh viên của tôi tại Đại học Southern California, đặc biệt là Stephen Conroy, Mary Gardner, Susan Harris, Anne Marengo, Betty Oswald, Norella Putney, Maria Schmeekle, Brent Taylor, Ynes Wilson-Hirst, và Tiến sĩ Beth Mabry, những người (cùng với Danielle Zucker từ Stanford) đã giúp tôi qua nhiều bản thảo của bài báo này. Tôi đánh giá cao những gợi ý của Paul Amato, Alan Booth, Arlene Skolnick, Judith Stacey, và Peter Uhlenberg, từ công trình của họ tôi đã học được rất nhiều điều. Cuối cùng, tôi muốn ghi nhận sự hỗ trợ của Linda Hall và Deborah Weisberg trong việc chuẩn bị bài báo và quản lý chương trình nghiên cứu của chúng tôi. Nghiên cứu Dài hạn về Các Thế hệ đã được hỗ trợ trong nhiều năm bởi Viện Lão khoa Quốc gia (Grant AG07977), và tôi muốn cảm ơn các quản trị viên khoa học xã hội NIA Matilda White Riley, Ron Abeles, Jared Jobe, và Richard Suzman vì sự hỗ trợ của họ tại những thời điểm quan trọng trong cuộc điều tra dài hạn này. Tôi cũng muốn gửi lời cảm ơn đến Quỹ Spencer và Quỹ James Irvine đã tài trợ cho một số phần của nghiên cứu này.

- Hết -

Lời của người biên tập: Nội dung của tài liệu này được tạo ra với mong muốn trở thành nguồn tư liệu hữu ích cho bất kỳ ai quan tâm đến chủ đề nhưng có vốn tiếng Anh hạn chế. Ngoài điều ấy ra, nó không có mục đích nào khác. Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến (các) tác giả gốc của nghiên cứu này. Độc giả vui lòng chỉ dùng tài liệu này cho mục đích cá nhân & phi thương mại.

Người biên tập: Nguyễn Đức Anh (lyhon.org)

Link gốc bản tiếng Anh:

<https://citeseerx.ist.psu.edu/document?repid=rep1&type=pdf&doi=791897a521f90d819f891e93bf3eca345733a42a>

Mặc dù cố gắng hết sức, nội dung của bản dịch khó tránh khỏi sai sót, mong quý vị thông cảm. Nếu quý vị có khả năng đọc hiểu tiếng Anh, hãy đọc bản gốc, nó bao giờ cũng tốt hơn bản dịch.

Phiên bản 3 của bản dịch này được hoàn thành vào ngày: 22/07/2024

Chúng tôi có thể cập nhật các bản dịch tốt hơn, để tăng cường chất lượng. Nếu trường hợp đó xảy ra, trong tài liệu sẽ có thông báo rõ ràng về phiên bản để độc giả phân biệt.